TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/DS-ST
Ngày 19-8-2019
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quan Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bạch Linh.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Lê Phú Quý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương là Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2019/TLST-DS, ngày 16 tháng 4 năm 2019, về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-DS ngày 11/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2019/QĐST-DS, ngày 31/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 289/A khóm Bình T1, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh ĐT. Chị L có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Mộng T, sinh năm 1983; địa chỉ: Khóm Bình T 1, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh ĐT.

Người đại diện hợp pháp của chị Phạm Thị Mộng T: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 186, ấp BP, xã HA, huyện CM, tỉnh AG là người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị Mộng T (Văn bản ủy quyền ngày 25/6/2019). Chị H có mặt tại phiên tòa

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 186, ấp BP, xã HA, huyện CM, tỉnh AG. Chị H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2019 và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2018, chị Nguyễn Thị Kim L có cho chị Phạm Thị Mộng T vay 03 lần với số T là 800.000.000 đồng đến nay không trả, cụ thể 03 lần vay như sau:

- Lần thứ 1: Ngày 26/11/2018 (Nhằm ngày 20/10/2018 âm lịch), chị T vay của chị L 400.000.000 đồng, mục đích vay để đáo nợ Ngân hàng, lãi thỏa thuận là 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng, thời hạn vay khi nào cần chị L báo cho T biết để lấy lại. Chị L đã giao đủ 400.000.00 đồng cho chị T trực tiếp nhận và chị T có ký vào giấy nhận nợ đề ngày 20 ÂL tháng 10 năm 2018.

- Lần thứ 2: Ngày 05/12/2018 (Nhằm ngày 29/10/2018 âm lịch), chị T vay tiếp 200.000.000 đồng, mục đích vay để đáo nợ Ngân hàng, lãi thỏa thuận là 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng, thời hạn vay khi nào cần chị L báo cho chị T biết để lấy lại. Chị L đã giao đủ 200.000.000 đồng cho chị T trực tiếp nhận và chị T có ký vào giấy nhận nợ đề ngày 29 ÂL tháng 10 năm 2018.

- Lần thứ 3: Ngày 14/12/2018 (Nhằm ngày 08/11/2018 âm lịch), chị T vay tiếp 200.000.000 đồng, mục đích vay để đáo nợ Ngân hàng, lãi thỏa thuận là 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng, thời hạn vay khi nào cần chị L báo cho chị T biết để lấy lại. Chị L giao đủ 200.000.000 đồng cho chị T trực tiếp nhận và chị T có ký vào giấy nhận nợ đề ngày 08 ÂL tháng 11 năm 2018.

Sau khi vay đến nay chị T không trả vốn cho chị L, nhưng có trả lãi được 8.000.000 đồng. Ba khoản vay trên chị L trực tiếp cho chị T vay, chị L không có cho chị H vay theo như lời trình bày của chị T và chị H.

Nay chị L yêu cầu chị Phạm Thị Mộng T hoàn trả cho chị L vốn vay là 800.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 26/11/2018 đến ngày 19/8/2019 theo lãi suất 0,83%/tháng là 56.534.000 đồng trừ đi T lãi chị T đã trả cho chị L là 8.000.000 đồng còn lại là 48.534.000 đồng. Tổng cộng số tiền 848.534.000 đồng. Chị L không yêu cầu chị H liên đới cùng chị Tiền trả số tiền trên.

- Chị Nguyễn Thị Thu H đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị Mộng T trình bày:

Vào ngày 26/11/2018 (Nhằm ngày 20/10/2018 âm lịch), chị T có vay của chị L 400.000.000 đồng, mục đích vay để đáo nợ Ngân hàng, lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng, thời hạn vay là khi nào chị L cần thì báo cho chị T biết để trả lại. Chị L giao đủ 400.000.000 đồng cho chị T trực tiếp nhận và chị T có ký vào giấy nhận nợ đề ngày 20 ÂL tháng 10 năm 2018. Từ khi vay đến nay chị T không trả vốn cho chị L, nhưng có trả lãi cho chị L được 8.000.000 đồng.

Ngày 05/12/2018 (Nhằm ngày 29/10/2018 âm lịch), chị H có hỏi vay của chị L số T 200.000.000 đồng, chị L không đồng ý mà buộc chị T phải bảo lãnh cho chị H, chị L mới cho chị H vay, nên chị H có nhờ chị T bảo lãnh cho chị H, được chị T đồng ý, sau đó chị L có đưa cho chị H một giấy nhận nợ để chị H đem về cho chị T ký, sau khi chị T ký tên vào giấy nhận nợ xong, chị H cầm giấy nhận nợ đến nhà chị L nhận T. Sau khi nhận 200.000.000 đồng từ chị L, chị H sử dụng T mua bán

lúa gạo chứ không giao tiền cho chị T. Lúc ký giấy nhận nợ chị H biết lãi suất chị L cho vay là 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng.

- Cũng như lần trước vào ngày 29/10/2018 âm lịch chị H có hỏi vay của chị L 200.000.000 đồng, chị L không đồng ý mà buộc phải có chị T bảo lãnh, nên chị L có đưa giấy nhận nợ cho chị H về đưa cho chị T ký. chị H cầm giấy nhận nợ đề ngày 29 ÂL tháng 10 năm 2018 từ chỗ chị L về đưa cho chị T ký tên, sau đó chị H cầm giấy nhận nợ đến nhà chị L nhận tiền. Sau khi nhận 200.000.000 đồng từ chị L thì chị H sử dụng mua bán lúa gạo chứ không có giao 200.000.000 đồng cho chị T. Lúc ký giấy nhận nợ chị H biết lãi suất chị L cho vay là 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng.

Nay chị Phạm Thị Mộng T thừa nhận còn nợ chị L vốn vay là 400.000.000 đồng và đồng ý trả cho chị L vốn vay 400.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 26/11/2018 đến ngày 19/8/2019 theo lãi suất 0,83%/tháng theo như yêu cầu của chị L.

Đối với số vốn vay 400.000.000 đồng vay vào ngày 05/12/2018 (Nhằm ngày 29/10/2018 âm lịch) và ngày 29/10/2018 âm lịch là do chị H vay của chị L, chị T không đồng ý trả.

- ***Chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:***

Vào ngày 05/12/2018 (Nhằm ngày 29/10/2018 âm lịch) chị Nguyễn Thị Thu H có điện hỏi chị Nguyễn Thị Kim L vay 200.000.000 đồng, chị L không đồng ý, chị L yêu cầu chị T đứng ra bảo lãnh ký giấy nhận nợ với chị L thì chị L mới cho chị H vay, do đó chị H có nói với chị T và chị T đồng ý, nên chị T có ghi giấy nhận nợ nội dung là vay của chị L 200.000.000 đồng. Sau khi chị T ký tên vào giấy nhận nợ thì chị H cầm giấy nhận nợ giao cho chị L, chị L trực tiếp giao 200.000.000 đồng cho chị H. Trong biên nhận nợ không ghi lãi suất, nhưng thực tế lãi thỏa thuận là 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Sau khi vay đến nay chị H không trả vốn và lãi cho chị L.

Ngày 14/12/2018 (Nhằm ngày 08/11/2018 âm lịch) chị H điện thoại cho chị L hỏi vay tiếp 200.000.000 đồng, cũng giống như lần vay ngày 05/12/2018, chị L yêu cầu chị T bảo lãnh và ký tên vào giấy nhận nợ, chị L mới cho chị H vay, nên chị T có ký tên vào giấy nhận nợ cho chị L để vay số tiền 200.000.000 đồng, chị H cầm giấy nhận nợ của chị T giao cho chị L, chị L giao trực tiếp cho chị H nhận 200.000.000 đồng. Tại giấy nhận nợ ngày 14/12/2018 ghi chị T vay của chị L 200.000.000 đồng, không ghi lãi suất là bao nhiêu, nhưng thật sự lãi thỏa thuận là 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng, từ khi vay đến nay chị H không trả vốn và lãi cho chị L.

Đối với 02 khoản vay trên lúc vay chị H và chị T thống nhất là khi nào cần thì chị L báo trước cho chị H khoảng 3-4 ngày để chị H trả, khi trả vốn thì trả lãi luôn không phải trả lãi hàng ngày. Vậy tổng cộng chị H vay của chị L 02 lần là 400.000.000 đồng. Nay chị H đồng ý trả cho chị L vốn vay là 400.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 05/12/2018 đến ngày 19/8/2019 theo lãi suất 0,83%/tháng theo như yêu cầu của chị L.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 465, 466, 469 của Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, buộc chị Phạm Thị Mộng T hoàn trả cho Nguyễn Thị Kim L vốn vay là 800.000.000 đồng và lãi là tạm tính đến ngày 19/8/2019 là 48.534.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị Mộng T trả lại vốn vay 800.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 26/11/2018 đến ngày 19/8/2019 là 48.354.000 đồng là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét thấy từ ngày 26/11/2018 đến ngày 14/12/2018, do chỗ quen biết nên chị L có cho chị Phạm Thị Mộng T vay 03 lần hiện còn nợ vốn vay của chị L 800.000.000 đồng và lãi từ ngày vay đến nay không trả, cụ thể như sau:

- Lần thứ 1: Ngày 26/11/2018 (Nhằm ngày 20/10/2018 âm lịch), chị T vay của chị L số tiền 400.000.000 đồng lãi thỏa thuận là 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng, thời hạn vay khi nào cần chị L báo cho T biết để lấy lại. Chị L đã giao đủ 400.000.000 đồng cho chị T trực tiếp nhận và chị T có ký vào giấy nhận nợ đề ngày 20 ÂL tháng 10 năm 2018.

- Lần thứ 2: Ngày 05/12/2018 (Nhằm ngày 29/10/2018 âm lịch), chị T vay tiếp của chị L 200.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng, thời hạn vay khi nào cần chị L báo cho T biết để lấy lại. Chị L đã giao đủ 200.000.000 đồng cho chị T trực tiếp nhận và chị T có ký vào giấy nhận nợ đề ngày 29 ÂL tháng 10 năm 2018.

- Lần thứ 3: Ngày 14/12/2018 (Nhằm ngày 08/11/2018 âm lịch), chị T vay của chị L 200.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng, thời hạn vay khi nào cần chị L báo cho chị T biết để lấy lại. Chị L giao đủ 200.000.000 đồng cho chị T trực tiếp nhận và chị T có ký vào giấy nhận nợ đề ngày 08 ÂL tháng 11 năm 2018.

Sau khi vay đến nay chị T không trả vốn cho chị L, nhưng có trả lãi được 8.000.000 đồng là có thật.

Cơ sở để chứng minh cho việc chị T có vay của chị L vốn vay 800.000.000 đồng là 03 giấy nhận nợ ghi ngày 08/11/2018, ngày 29/10/2018 và 20 ÂL/10/2018; bản đối chiếu nợ vay ngày 03/01/2019, ngày 26/02/2019 và biên bản thỏa thuận về việc trả nợ của Cơ quan điều tra Công an huyện Lấp Vò.

[2.2] Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị T thừa nhận 03 biên nhận ngày 08/11/2018, ngày 29/10/2018, ngày 20 ÂL/10/2018 chị L cung cấp cho Tòa án là do chị T ghi và ký tên, đồng thời cũng thừa nhận từ ngày vay đến nay chị T chỉ trả lãi cho chị L được 8.000.000 đồng rồi ngưng đến nay không trả vốn và trả lãi cho chị L. Như vậy giữa chị L với chị T đã xác lập quan hệ hợp đồng vay tài sản nên làm phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ giữa bên cho vay, bên vay theo quy định tại Điều 463, 465, 466, 469 của Bộ luật dân sự. Do đó, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay cho chị L.

[2.3] Đối với việc chị T cho rằng chị T chỉ vay của chị L 400.000.000 đồng theo giấy nhận nợ Ngày 20/10/2018 âm lịch (Nhằm ngày 26/11/2018). Còn số T 400.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 29/10/2018 âm lịch (Nhằm ngày 05/12/2018 dương lịch), 08/11/2018 âm lịch (Nhằm ngày14/12/2018 dương lịch) chị T chỉ ký bảo lãnh cho chị H vay, chứ thực tế chị T không có vay của chị L, chị T không đồng ý trả khoản vay này cho chị L và yêu cầu chị H có trách nhiệm trả. Lời trình bày và yêu cầu này của chị T không được chị L thừa nhận và chị T cũng không có chứng cứ gì để chứng minh rằng số tiền vay này là do chị H vay của chị L. Nên lời trình bày và yêu cầu của chị T không được chấp nhận.

Mặc khác cho rằng khoản vay 200.000.000 đồng ngày 29/10/2018 âm lịch (Nhằm ngày 05/12/2018 dương lịch) và 200.00.000 đồng ngày 08/11/2018 âm lịch (Nhằm ngày14/12/2018 dương lịch) là do chị H vay của chị L là có thật, nhưng đến nay chị H không trả vốn và lãi cho chị L thì chị L khởi kiện buộc chị T trả cũng phù hợp pháp luật.

[2.4] Đối với chị Nguyễn Thị Thu H cho rằng khoản vay 200.000.000 đồng ngày 29/10/2018 âm lịch (Nhằm ngày 05/12/2018 dương lịch) và 200.00.000 đồng ngày 08/11/2018 âm lịch (Nhằm ngày14/12/2018 dương lịch) là do chị H vay của chị L, chị T chỉ là người bảo lãnh cho chị H. Nay chị H đồng ý trả cho chị L vốn vay là 400.000.000 đồng và đồng ý trả lãi theo yêu cầu của chị L. Mặc dù chị H đồng ý trả cho chị L vốn vay 400.000.000 đồng và lãi, nhưng chị L không đồng ý, chị H không có chứng cứ để chứng minh rằng số tiền trên là do chị H vay. Nên lời trình bày và yêu cầu này của chị H không phù hợp pháp luật, không được chấp nhận.

[2.5] Tại phiên tòa chị H và chị L đều xác định các khoản vay trên giữa chị L và chị T có thỏa thuận lãi suất là 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng, sau khi vay chị T có đóng lãi được 8.000.000 đồng. Nay chị T đồng ý trả vốn vay và đồng ý trả lãi theo yêu cầu của chị L. Xét thấy hợp đồng vay giữa chị T và chi L có thỏa thuận về lãi suất. Do đó tại phiên tòa hôm nay chị L yêu cầu chị T có trách nhiệm trả lại vốn vay cho chị L 800.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 26/11/2018 đến ngày 19/8/2019 và trừ đi 8.000.000 tiền lãi chị T đã trả cho chị L trước đây là hoàn toàn phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

Từ những nhận định và phân tích trên Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L, buộc chị Phạm Thị Mộng T có nghĩa vụ trả cho chị L vốn vay 800.000.000 đồng và lãi theo lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 26/11/2018 đến ngày xét xử là ngày 19/8/2019 lãi suất được tính cụ thể như sau:

* Vốn vay 400.000.000 đồng tính từ ngày 26/11/2018 đến 19/8/2019 là 08 tháng 24 ngày.

Lãi theo lãi suất 0,83%/tháng: (400.000.000 đồng x 0,83%) x 08 tháng + (24 ngày x 110.000 đồng) = 29.200.000 đồng. (1)

* Vốn vay 200.000.000 đồng tính từ ngày 05/12/2018 đến 19/8/2019 là 08 tháng 14 ngày.

Lãi theo lãi suất 0,83%/tháng: (200.000.000 đồng x 0,83%) x 08 tháng + (14 ngày x 55.333 đồng) = 14.054.000 đồng. (2)

* Vốn vay 200.000.000 đồng tính từ ngày 14/12/2018 đến 19/8/2019 là 08 tháng 5 ngày.

Lãi theo lãi suất 0,83%/tháng: (200.000.000 đồng x 0,83%) x 08 tháng + (05 ngày x 55.333 đồng) = 13.280.000 đồng. (3)

(1) + (2) + (3) – 8.000.000 đồng = 48.534.000 đồng

Vậy tiền lãi chị T phải trả cho chị L là: 48.534.000 đồng.

[3] Xét đề nghị của kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc chị T trả tiền vay còn nợ cho chị L nên chị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 463, 465, 466, 468,469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L đối với chị Phạm Thị Mộng T.

2. Buộc chị Phạm Thị Mộng T trả cho chị Nguyễn Thị Kim L vốn vay là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) và lãi là 48.534.000 đồng (Bốn mươi tám triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 848.534.000đồng (Tám trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyết định chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 648 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường

hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Phạm Thị Mộng T nộp 37.456.000đồng (Ba mươi bảy triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Kim L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.598.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm chín mươi tám nghìn đồng) theo biên lai số BH/2018/0000264 ngày 25/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

4. Án xử có mặt các bên đương sự, báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- Các đ/s;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quan Nam